

Bản án số: 43/2026/HS-ST
Ngày: 25/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tăng Phước Long

Ông Lê Nguyễn Minh Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Ngọc Thanh Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Phước Dư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Phương Q**, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1994; Nơi sinh tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khóm S, phường S, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 087094009311, cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Bộ C; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Con ông Nguyễn Hữu K, sinh ngày 12/01/1966 (sống) và con bà Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 01/01/1972 (sống); A, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ 2; Vợ, Con: Chưa có; Tiền án: Ngày 11/12/2013, bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tuyên phạt 14 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”, chấp hành xong ngày 20/11/2024; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/12/2025; Thay thế biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam: Ngày 28/01/2026; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Sa Đéc thuộc Trại giam S – Công an tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Họ tên: **Bùi Thanh P**, Sinh ngày 30 tháng 09 năm 2002 tại Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 087202008592, Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Bùi Thanh T1, sinh năm 1979; Con bà Ngô Ngọc Thanh N, sinh năm 1979; Anh, chị, em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1998,

nhỏ nhất sinh năm 2008; Vợ, Con: chưa có; Tiền án: Ngày 29/8/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (nay là Khu vực 8 - Đồng Tháp) xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 10/10/2024; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 23/12/2025; Thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam: Ngày 27/01/2026; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Sa Đéc thuộc Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đ.

3. Họ tên: **Đặng Thành N1**, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1999 tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: khóm P, phường S, tỉnh Đồng Tháp; Số CCCD: 087099011407; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Con ông Đặng Thành N2, sinh năm 1977 và con bà Tôn Thị Kim H, sinh năm 1979; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; Vợ, Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 03/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (nay là Khu vực 8 - Đồng Tháp) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc 14 tháng, chấp hành xong năm 2021; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 23/12/2025; Thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam: Ngày 23/01/2026; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Sa Đéc thuộc Trại tạm giam số 1- Công an tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh Nguyễn Phương Q1, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Số C, khóm S, phường S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2/ Bà Vương Kim L1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Khu phố M, xã C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

3/ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

4/ Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Số B, khóm Đ, phường S, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 45 phút ngày 25/11/2025, Nguyễn Phương Q điều khiển xe mô tô biển số 68T1-0996 và Đặng Thành N1 điều khiển xe mô tô biển số 67D1-2289 chạy đến phòng trọ của Bùi Thanh P thuộc ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp để chơi. Khoảng 30 phút sau, cả ba bàn nhau đi tìm tài sản lấy trộm, rồi điều khiển xe chạy vào tỉnh lộ 854 hướng về T. Khi chạy ngang nhà ông Nguyễn Văn L thuộc ấp T, xã

T, tỉnh Đồng Tháp, bị can P và N1 phát hiện trước sân nhà ông L có 01 chiếc xe tự chế bằng kim loại không người trông coi nên dừng xe lại để P đi vào lấy trộm. Do Q chạy trước không thấy P và N1 nên quay lại thấy P đã lấy trộm xe tự chế của ông L nên cùng P và N1 kéo chiếc xe tự chế ngược lại hướng Nha Môn. Khi cả ba kéo xe lấy trộm đi được khoảng 01 km thì bị lực lượng Công an xã T tuần tra phát hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS, ngày 15/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự xã T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 xe tự chế có hình chữ nhật, chiều ngang 0,9 mét, chiều dài 03 mét, cao 0,6 mét, khung hàn bằng kim loại, sơn màu bạc, có giá trị tại thời điểm ngày 25/11/2025 là 2.130.000 đồng.

* Cơ quan điều tra đã xử tài liệu, đồ vật, vật chứng:

+ Hoàn trả 01 chiếc xe tự chế có hình chữ nhật, chiều ngang 0,9 mét, chiều dài 03 mét, cao 0,6 mét, khung hàn bằng kim loại, sơn màu bạc cho bị hại là ông Nguyễn Văn L.

+ Tạm giữ của bị can Nguyễn Phương Q 01 xe mô tô biển số 68T1-0996, xe mô tô do bị can Quốc mượn của người anh ruột là Nguyễn Phương Q1.

+ Tạm giữ của bị can Đặng Thành N1 01 xe mô tô gắn biển số 67D1-2289, N1 khai nhận là mua của người lạ, xe không có giấy đăng ký xe. Qua tra cứu biển số xe 67D1-2289 do bà Trần Thị H1, sinh năm 1962, nơi thường trú: ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc bà H1 trình bày vào năm 2009 bà có mua và đăng ký chiếc xe mô tô biển số 67D1-2289 để cho đứa cháu đi học, sau đó bà đã bán lại cho người lạ với giá 3.000.000 đồng, bán cách nay 05 năm không nhớ chính xác, lúc bán không có làm hợp đồng, bà H1 cũng không yêu cầu đổi với chiếc xe biển số 67D1-2289; Còn số khung, số máy qua tra cứu do ông Phạm Văn H2, sinh năm 1965, nơi thường trú: ấp Đ, phường S, tỉnh Đồng Tháp đứng tên chủ sở hữu, qua làm việc với ông H2 trình bày cách nay khoảng 06 tháng ông có đậu 01 xe mô tô biển số 66L6-1974 ở Cầu Đ, thuộc Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cũ đã bị lấy trộm, sau đó ông có trình báo Cơ quan Công an, ông H2 yêu cầu nhận lại xe trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã chuyển đến Công an phường S, tỉnh Đồng Tháp đến tiếp nhận giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSTPĐ ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phương Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương Q từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh P từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

3. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thành N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Thành N1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về hình phạt bổ sung: Qua điều tra, xác minh các bị cáo Q, P và N1 thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 68T1-0996, dung tích xi lanh 97cm³, nhãn hiệu XIONGSHI, số loại 110 màu sơn đen, số máy FMG300105510, số khung CJ004Y9105510 thu giữ của bị cáo Q.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 67D1-2289 thu giữ cùng xe của N1, do qua xác minh biển số xe trên do bà Trần Thị H1, sinh năm 1962, nơi thường trú: ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang đứng tên chủ sở hữu, bà H1 mua vào năm 2009, sau đó bà đã bán lại cho người lạ với giá 3.000.000 đồng, bán cách nay 05 năm không nhớ chính xác, lúc bán không có làm hợp đồng, nên bà H1 không yêu cầu đổi với biển số 67D1-2289.

- Ý kiến của bị cáo Nguyễn Phương Q: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo không tranh luận. Về hình phạt bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về gia đình.

- Ý kiến của bị cáo Bùi Thanh P: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo không tranh luận. Về hình phạt, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để về đời làm lại.

- Ý kiến của bị cáo Đặng Thành N1: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo không tranh luận. Về hình phạt, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của bị hại ông Nguyễn Văn L: Ông L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Về hình phạt, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Ý kiến anh Nguyễn Phương Q1: Anh Q1 không yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 68T1-0996, yêu cầu giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng nên các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án là hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với tờ bản tự khai, các biên bản lấy lời khai của các bị cáo, đại diện hợp pháp bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, đủ cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ ngày 25/11/2025, các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 điều khiển xe mô tô khi đến nhà ông Nguyễn Văn L thuộc ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp chiếm đoạt 01 chiếc xe tự chế bằng kim loại, trị giá tài sản theo định giá là 2.130.000 đồng của ông L thì bị bắt quả tang.

Từ những căn cứ nêu trên, đã xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 là phạm tội, đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 đã thành niên, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều sẽ bị xử lý nhưng do bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tài sản mà không cần bỏ ra nhiều công sức lao động nên các bị cáo thực hiện hành vi tội phạm. Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện tội phạm, bị cáo P là người trực tiếp vào lấy xe tự chế bằng kim loại, các bị cáo N1, Quốc thay nhau điều khiển xe mô tô chở P phía sau kéo xe tự chế bằng kim loại. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích vụ lợi cá nhân. Các bị cáo thực hiện tội phạm táo bạo, liều lĩnh, thời điểm thực hiện tội phạm vào ban đêm kéo xe ngay trên quốc lộ. Về nhân thân, bị cáo Q vào năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 14 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em, mới chấp hành xong hình phạt vào ngày 20/11/2024 (chưa xóa án tích), còn bị cáo P vào năm 2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp

hành xong hình phạt ngày 10/10/2024 (chưa xóa án tích), nay các bị cáo Q, P lại tiếp tục phạm tội, do đó khi xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo Q, P thì nghiêm hơn hình phạt đối với bị cáo N1. Xét hành vi của các bị cáo cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để các bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q có tiền án tội Hiếp dâm trẻ em và bị cáo P có tiền tội Trộm cắp tài sản nay tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Còn bị cáo N1 không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Q, P, N1 phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại (tài sản thu hồi trả bị hại); trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N1 phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự nên không đặt ra xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 68T1-0996, bị cáo Quốc mượn của anh ruột là Nguyễn Phương Q1, qua xác minh xe này do anh Q1 mua lại của một người đàn ông tên N3 không xác định được họ tên và địa chỉ với giá 2.000.000 đồng, khi mua xe không có làm hợp đồng mua bán và không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua tra cứu biển số xe 68T1-0996 do bà Vương Kim L1, xe này bà L1 bán cách đây 07 năm với giá 4.000.000 đồng-5.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình điều tra anh Q1 không yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 68T1-0996, yêu cầu giải quyết theo quy định và xe này bị cáo Q làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe mô tô gắn biển số 67D1-2289 thu giữ của bị cáo N1, bị cáo N1 khai nhận là mua của người lạ, xe không có giấy đăng ký xe với giá 1.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Qua tra cứu biển số xe 67D1-2289 do bà Trần Thị H1 đứng tên chủ sở hữu, sau đó bà H1 đã bán lại cho người lạ với giá 3.000.000 đồng, bà H1 không yêu cầu đổi với chiếc xe biển số 67D1-2289 này, xét thấy biển số xe 67D1-2289 xe này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy biển số xe 67D1-2289 theo qui định.

Đối với 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu DAMSAN, số loại 110B-2 màu sơn

xanh, có dung tích xi lanh 107cm³, số máy RPTDS1525MH00153426, số khung RPHWCHBUM5H153426 thu giữ của bị cáo N1 (thu giữ cùng biển số 67D1-2289), qua tra cứu do ông Phạm Văn H2, sinh năm 1965, nơi thường trú: ấp Đ, phường S, tỉnh Đồng Tháp đứng tên chủ sở hữu, qua làm việc với ông H2 trình bày cách nay khoảng 06 tháng ông có đậu 01 xe mô tô biển số 66L6-1974 ở Cầu Đ, thuộc Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cũ (nay là khóm C, phường S) đã bị lấy trộm, sau đó ông H2 có trình báo Cơ quan Công an, ông H2 yêu cầu nhận lại xe trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã chuyển đến Công an phường S, tỉnh Đồng Tháp tiếp nhận giải quyết theo quy định pháp luật là phù hợp.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phương Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương Q 01 năm tù (Một năm tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2026.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh P 01 năm tù (Một năm tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2026.

3. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm i, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thành N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Thành N1 09 tháng tù (Chín tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2026.

4. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 68T1-0996, dung tích xi lanh 97cm³, nhãn hiệu XIONGSHI, số loại 110 màu sơn đen, số máy FMG300105510, số khung CJ004Y9105510 thu giữ của bị cáo Q.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 67D1-2289 thu giữ cùng xe của bị cáo N1.

(Các vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Đồng Tháp đang quản lý).

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Phương Q, Bùi Thanh P, Đặng Thành N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt khi tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND KV8-ĐT;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh ĐT ;
- Thi hành dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn Em